

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN HỆ CAO ĐẲNG CHÍNH QUY NĂM 2020
NGÀNH CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN - ĐIỆN TỬ

(Kèm theo Quyết định số 963 / QĐ-CDKTKT-TS ngày 22 tháng 12 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường CĐ Kinh tế - Kỹ thuật)

STT	Họ	tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Tiêu chí xét tuyển	Ghi chú
1	Lê Tuấn	Anh	11/07/1996	Nam	Kinh	Hà Thạch, TX. Phú Thọ, Phú Thọ	TN THPT; HK: T	
2	Hoàng Việt	Anh	07/06/2001	Nam	Kinh	Phúc Thành, Hóa Trung, Đồng Hỷ, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
3	Dương Hoàng	Anh	21/02/2002	Nam	Kinh	Xóm Núi 4, Dương Thành, Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
4	Mai Việt	Anh	20/07/2002	Nam	Tày	Thôn Nà Ooc, Bình Trung, Chợ Đồn, Bắc Kạn	TN THPT; HK: T	
5	Đoàn Tuấn	Anh	22/04/1999	Nam	Kinh	Hùng Sơn, Đại Từ, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
6	Phạm Quang	Ánh	15/11/1996	Nam	Kinh	Nam Hòa, Nam Trục, Nam Định	TN THPT; HK: T	
7	Lộc Thanh	Ấu	02/09/1999	Nam	Tày	Thanh Định, Định Hóa, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
8	Nguyễn Xuân	Bắc	17/06/1997	Nam	Kinh	Khám Lạng, Lục Nam, Bắc Giang	TN THPT; HK: K	
9	Hoàng Văn	Bắc	27/06/2002	Nam	Kinh	Xóm Núi, Hà Châu, Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
10	Tạ Văn	Bắc	25/06/2001	Nam	Kinh	Nga My, Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
11	Hà Hải	Bằng	02/11/2002	Nam	Kinh	Xuân Trù, Tiên Phong, Phổ Yên, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
12	Nguyễn Trọng	Bằng	11/01/2002	Nam	Tày	Hòa Bình, Đồng Hỷ, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
13	Hoàng Văn	Bảo	22/03/1995	Nam	Kinh	Lương Sơn, Sông Công, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
14	Nguyễn Phúc	Bền	26/07/2002	Nam	Kinh	Trại Điện, Kha Sơn, Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
15	Lý Phi	Cà	03/03/2001	Nam	Hà nhĩ	Nậm Hạ A, Can Hồ, Mường Tè, Lai Châu	TN THPT; HK: T	
16	Tạ Quang	Cao	07/07/2001	Nam	Kinh	Xóm Đông, Hà Châu, Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
17	Hoàng Bá	Chiến	29/11/2001	Nam	Kinh	Phú Đô, Phú Lương, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
18	Tạ Văn	Chiến	27/07/1998	Nam	Kinh	Hà Châu, Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: K	
19	Nguyễn Thành	Công	23/09/2002	Nam	Kinh	Lương Phú, Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
20	Đỗ Văn	Cường	25/04/1994	Nam	Kinh	Hoàng Đan, Tam Dương, Vĩnh Phúc	TN THPT; HK: T	
21	Lê Trọng	Cường	06/07/1995	Nam	Kinh	Thái Ninh, Thiệu Tân, Thiệu Hóa, Thanh Hóa	TN THPT; HK: T	
22	Đông Văn	Cường	04/10/1996	Nam	Kinh	Hợp Thịnh, Hiệp Hòa, Bắc Giang	TN THPT; HK: T	

STT	Họ	tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Tiêu chí xét tuyển	Ghi chú
23	Nguyễn Mạnh	Cường	27/01/2002	Nam	Kinh	Tổ 21, Phường Trung Thành, Thành phố Thái Nguyên	TN THPT; HK: K	
24	Hà Văn	Cường	22/12/2001	Nam	Kinh	Lương Phú, Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
25	Lương Quang	Cường	01/11/1999	Nam	Kinh	Kha Sơn, Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
26	Ngô Quang	Đại	09/09/1998	Nam	Kinh	Tân Hưng, Sóc Sơn, Hà Nội	TN THPT; HK: T	
27	Lê Vĩ	Đại	03/08/1995	Nam	Kinh	Hợp Thịnh, Hiệp Hòa, Bắc Giang	TN THPT; HK: K	
28	Tạ Văn	Dân	14/06/2002	Nam	Kinh	Xóm Núi, Hà Châu, Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: K	
29	Dương Văn	Đạt	09/07/1999	Nam	Kinh	Ngọc Sơn, Hiệp Hòa, Bắc Giang	TN THPT; HK: K	
30	Lê Tiến	Đạt	22/08/2001	Nam	Tày	Phú Thượng, Võ Nhai, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
31	Lê Xuân	Đạt	28/12/2002	Nam	Kinh	Xóm Kỳ Linh, Văn Yên, Đại Từ, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
32	Nguyễn Đức	Diện	22/10/2000	Nam	Kinh	Hợp Thịnh, Hiệp Hòa, Bắc Giang	TN THPT; HK: T	
33	Sầm Văn	Doanh	05/03/1998	Nam	Cao lan	Phú Lương, Sơn Dương, Tuyên Quang	TN THPT; HK: T	
34	Lò Văn	Đôi	01/09/1997	Nam	Thái	Chiềng Pha, Thuận Châu, Sơn La	TN THPT; HK: T	
35	Nguyễn Văn	Duẩn	18/06/2002	Nam	Kinh	Kha Sơn, Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
36	Bùi Quang	Đức	26/06/1999	Nam	Kinh	Xóm Nhà Thờ, xã Phúc Trìu, Tp. Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
37	Nguyễn Duy	Đức	11/09/1999	Nam	Kinh	Hoàng Nông, Đại Từ, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
38	Đào Đức	Đức	16/08/2002	Nam	Kinh	Cơ Phi, Vạn Phái, Phổ Yên, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
39	Lê Trần	Đức	04/07/2002	Nam	Kinh	Nam Tiến, Phổ Yên, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
40	Kiều Minh	Đức	26/03/2002	Nam	Kinh	Bình Định, Kha Sơn, Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
41	Phạm Văn	Đức	24/11/2002	Nam	Kinh	Xóm Quẩn, Tân Đức, Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
42	Lâm Việt	Dũng	20/08/2000	Nam	Nùng	La Hiên, Võ Nhai, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
43	Phan Tiến	Dũng	20/01/2001	Nam	Kinh	Khu 3, Hương Lung, Cẩm Khê, Phú Thọ	TN THPT; HK: T	
44	Phạm Anh	Dũng	10/10/2002	Nam	Kinh	Tổ 8, Phường Quan Triều, TP Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
45	Nguyễn Văn	Dương	12/03/2000	Nam	Kinh	Kha Sơn, Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
46	Tô Văn	Dương	02/01/2002	Nam	Nùng	Lũng Phúc, Tri Lễ, Văn Quan, Lạng Sơn	TN THPT; HK: T	
47	Lục Văn	Duy	21/02/1994	Nam	Tày	Phương Viên, Chợ Đồn, Bắc Kạn	TN THPT; HK: T	
48	Vũ Quang	Duy	18/12/2002	Nam	Kinh	An Sơn, Hoàng Nông, Đại Từ, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
49	Nguyễn Khương	Duy	21/07/2002	Nam	Kinh	Tân Khánh, Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
50	Nguyễn Thị Kim	Duyên	11/09/1999	Nữ	Kinh	Tiên Phong, Phổ Yên, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
51	Dương Văn	Duyệt	18/07/1999	Nam	Kinh	Úc Kỳ, Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
52	Thạch Văn	Giang	18/06/1998	Nam	Cao lan	Đồng Quý, Sơn Dương, Tuyên Quang	TN THPT; HK: K	

STT	Họ	tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Tiêu chí xét tuyển	Ghi chú
53	Dương Văn	Giang	20/06/2002	Nam	Kinh	Hương Sơn, Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
54	Đặng Xuân	Giang	27/08/2002	Nam	Kinh	Xóm 7, Tân Linh, Đại Từ, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
55	Nguyễn Tiến	Hải	15/12/1999	Nam	Kinh	Đông Công, Văn Yên, Yên Bái	TN THPT; HK: T	
56	Hồ Văn	Hải	28/06/1996	Nam	Kinh	Thạch Đình, Thạch Hà, Hà Tĩnh	TN THPT; HK: K	
57	Trần Đức	Hải	21/06/2002	Nam	Kinh	Tổ 12, Phường Tân Thịnh, TP Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
58	Triệu Xuân	Hanh	01/01/2002	Nam	Tày	Ngọc Sơn, Tân Đức, Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
59	Dương Văn	Hào	13/10/2002	Nam	Kinh	Trạng Đài, Tân Kim, Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: K	
60	Lâm Văn	Hậu	24/05/1994	Nam	Cao lan	Phục Linh, Đại Từ, Thái Nguyên	TN THPT; HK: K	
61	Nguyễn Duy	Hậu	21/11/2002	Nam	Kinh	Nga My, Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
62	Lê Văn	Hiệp	21/04/1997	Nam	Kinh	Cẩm Ninh, Ân Thi, Hưng Yên	TN THPT; HK: K	
63	Nguyễn Văn	Hiếu	13/01/2002	Nam	Kinh	Tân Hòa, Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
64	Nguyễn Văn	Hiếu	09/12/2001	Nam	Kinh	Xóm Chiến 2, Nhã Lộ, Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
65	Đinh Xuân	Hiệu	10/10/1996	Nam	Kinh	Hồng Hà, Hạ Long, Quảng Ninh	TN THPT; HK: K	
66	Bùi Văn	Hiệu	16/07/2002	Nam	Kinh	Phú Ninh 2, Phú Đình, Định Hóa, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
67	Dương Văn	Hòa	09/07/2002	Nam	Kinh	Liên Sơn, Hồng Tiến, Phổ Yên, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
68	Nông Thị	Hoài	10/03/1996	Nữ	Tày	Thành Công, Nguyên Bình, Cao Bằng	TN THPT; HK: K	
69	Trần Mạnh	Hoàng	28/04/1995	Nam	Kinh	Quân Chu, Đại Từ, Thái Nguyên	TN THPT; HK: K	
70	Nguyễn Đức	Hoàng	24/07/2002	Nam	Kinh	Tân Đức, Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
71	Đinh Huy	Hoàng	11/09/2002	Nam	Kinh	Xã Bắc Thành, Quyết Thắng, TP Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
72	Nguyễn Quang	Hoàng	10/09/2001	Nam	Kinh	Đồng Phú, Thanh Minh, Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
73	Nguyễn Văn	Hoàng	06/06/2002	Nam	Kinh	Giàng Long, Giang Tiên, Phú Lương, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
74	Hà Nam	Hồng	25/02/2002	Nam	Kinh	Xuân Trù, Tiên Phong, Phổ Yên, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
75	Nguyễn Văn	Hùng	24/01/2000	Nam	Kinh	Lục Ba, Đại Từ, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
76	Hoàng Thanh	Hùng	14/08/2000	Nam	Sán	Yên Ninh, Phú Lương, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
77	Hoàng Văn	Hùng	07/12/2000	Nam	Kinh	Công Chính, Nông Công, Thanh Hóa	TN THPT; HK: T	
78	Chu Thế	Hùng	10/08/2001	Nam	Kinh	Tràng Xá, Võ Nhai, Thái Nguyên	TN THPT; HK: K	
79	Lương Văn	Hùng	16/11/2002	Nam	Sán chí	Phú Đình, Định Hóa, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
80	Nguyễn Mạnh	Hùng	02/11/1998	Nam	Kinh	Đồng Ngò, Đại Hóa, Tân Yên, Bắc Giang	TN THPT; HK: T	
81	Dương Đình	Hướng	24/12/1994	Nam	Kinh	Đắc Sơn, Phổ Yên, Thái Nguyên	TN THPT; HK: K	
82	Nguyễn Quang	Hướng	08/11/2002	Nam	Kinh	Nam Tiến, Phổ Yên, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	

STT	Họ	tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Tiêu chí xét tuyển	Ghi chú
83	Bùi Đan	Huy	17/08/2002	Nam	Thổ	Đồng Nang, Hạ Sơn, Quỳnh Hợp, Nghệ An	TN THPT; HK: T	
84	Lê Trường	Huy	13/04/2000	Nam	Tày	Xóm Chú 1, Bộc Nhiêu, Định Hóa, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
85	Ma Quang	Huy	28/10/2000	Nam	Tày	Yên Thông, Bình Yên, Định Hóa, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
86	Vũ Thế	Huỳnh	06/02/1998	Nam	Kinh	Trung Đông, Trục Ninh, Nam Định	TN THPT; HK: T	
87	Nguyễn Hồng	Khải	19/07/2002	Nam	Kinh	Xuân Đào, Đào Xá, Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
88	Hoàng Đức	Khải	01/11/2001	Nam	Nùng	Thôn Nà Tân, Vũ Sơn, Bắc Sơn, Lạng Sơn	TN THPT; HK: T	
89	Nông Đình	Khải	28/11/2002	Nam	Tày	Làng Muông, Yên Ninh, Phú Lương, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
90	Dương Văn	Khang	28/10/1999	Nam	Kinh	Hương Sơn, Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
91	Nguyễn Quý	Khang	01/05/2002	Nam	Kinh	Xóm Cò, Tân Hòa, Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
92	Nguyễn Quốc	Khánh	31/07/2002	Nam	Kinh	Xuân Hòa, Phúc Xuân, TP Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
93	Nguyễn Đức	Kiên	02/08/2001	Nam	Kinh	Quyết Thắng, Sơn Dương, Tuyên Quang	TN THPT; HK: T	
94	Lý Đức	Kiên	02/08/2002	Nam	Nùng	Xuân Hòa, Phúc Xuân, TP Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
95	Bàn Đức	Kiên	10/03/2002	Nam	Dao	Xóm 8, Kim Tân, Kim Sơn, Định Hóa, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
96	Đào Văn	Kiên	14/09/2000	Nam	Kinh	Đại Hóa, Tân Yên, Bắc Giang	TN THPT; HK: T	
97	Nguyễn Duy	Lam	19/12/2002	Nam	Kinh	An Sơn, Hoàng Nông, Đại Từ, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
98	Nguyễn Văn	Lâm	18/10/1997	Nam	Kinh	Hợp Thịnh, Hiệp Hòa, Bắc Giang	TN THPT; HK: T	
99	Bàn Đức	Lâm	04/11/2002	Nam	Dao	Kim Tân, Kim Phượng, Định Hóa, Thái Nguyên	TN THPT; HK: K	
100	Hoàng Văn	Lân	06/06/2002	Nam	Kinh	Xóm Núi, Hà Châu, Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
101	Đào Quốc	Lập	18/10/2002	Nam	Kinh	Phúc Hòa 2, Hán Đà, Yên Bình, Yên Bái	TN THPT; HK: T	
102	Hoàng Văn	Lạt	27/05/1998	Nam	Tày	Minh Xuân, Lục Yên, Yên Bái	TN THPT; HK: K	
103	Dương Trảng	Liều	14/14/1997	Nam	Dao	Mẫu Sơn, Lộc Bình, Lạng Sơn	TN THPT; HK: T	
104	Nguyễn Văn	Lợi	11/03/2000	Nam	Kinh	Bắc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	TN THPT; HK: T	
105	Hoàng Đức	Long	02/03/2002	Nam	Kinh	Tiên Phong, Phổ Yên, Thái Nguyên	TN THPT; HK: K	
106	Dương Hữu	Long	14/05/2002	Nam	Kinh	Tân Sơn 9, Xuân Phương, Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: K	
107	Đỗ Thành	Long	21/11/2002	Nam	Kinh	Xóm Thịnh, Thịnh Đức, TP Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
108	Nguyễn Viết	Long	26/07/2002	Nam	Kinh	Lục Ba, Đại Từ, Thái Nguyên	TN THPT; HK: K	
109	Nguyễn Văn	Lư	13/08/2002	Nam	Kinh	Xóm Sau, Hà Châu, Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
110	Phạm Văn	Lực	19/04/1998	Nam	Kinh	Nga My, Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: K	
111	Dương Như	Lực	01/05/1998	Nam	Kinh	Xóm Tân Lập, Thường Đình, Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
112	Nguyễn Đức	Lương	03/12/1995	Nam	Kinh	Thanh Lâm, Mê Linh, Hà Nội	TN THPT; HK: K	

STT	Họ	tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Tiêu chí xét tuyển	Ghi chú
113	Nguyễn Đức	Lương	04/09/1995	Nam	Kinh	Mỹ Yên, Đại Từ, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
114	Phạm Văn	Mạnh	12/10/1997	Nam	Kinh	Xuân Châu, Thọ Xuân, Thanh Hóa	TN THPT; HK: K	
115	Chu Đức	Mạnh	05/09/1999	Nam	Nùng	Đồng Ân, Trảng Xá, Võ Nhai, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
116	Trần Văn	Mạnh	19/10/2002	Nam	Kinh	Kỳ Phú, Đại Từ, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
117	Vy Đức	Mạnh	18/02/2002	Nam	Tày	Thôn Bản Châu, Xã Tri Lễ, Văn Quan, Lạng Sơn	TN THPT; HK: T	
118	Nguyễn Văn	May	02/12/2000	Nam	Kinh	Ngô Xá, Cẩm Khê, Phú Thọ	TN THPT; HK: T	
119	Hoàng Văn	Minh	29/01/2002	Nam	Kinh	Nguyễn Hậu, Tiên Phong, Phổ Yên, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
120	Trần Bình	Minh	28/07/2002	Nam	Kinh	Phú Thái, Lương Sơn, Sơn Công, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
121	Vũ Anh	Minh	20/12/2002	Nam	Kinh	Phú Dương 2, Dương Thành, Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
122	Mạc Văn	Môn	08/01/1999	Nam	Thái	Nam Sơn, Quỳnh Hợp, Nghệ An	TN THPT; HK: K	
123	Chu Văn	Nam	22/02/1997	Nam	Kinh	Tự Lạn, Việt Yên, Bắc Giang	TN THPT; HK: K	
124	Bế Văn	Nam	25/02/1997	Nam	Tày	Mỹ Yên, Đại Từ, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
125	Hoàng Văn	Nam	28/06/2002	Nam	Kinh	Thái Cao, Tiên Phong, Phổ Yên, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
126	Lê Văn	Nam	17/10/2000	Nam	Nùng	Tân Bình, An Khánh, Đại Từ, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
127	Chu Đức	Nam	01/09/2002	Nam	Nùng	Tân Hòa, Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
128	Lăng Văn	Nam	08/03/2002	Nam	Nùng	Tân Hòa, Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
129	Lý Trọng	Nghĩa	21/07/2001	Nam	Nùng	Xóm Cà, Tân Hòa, Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
130	Lưu Bá	Nghiêm	01/04/1997	Nam	Kinh	Tân Ninh, Triệu Sơn, Thanh Hóa	TN THPT; HK: K	
131	Nguyễn Văn	Ngọc	02/10/1994	Nam	Kinh	Tân Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	TN THPT; HK: K	
132	Thân Đức	Ngọc	28/04/1993	Nam	Kinh	Nhã Nam, Tân Yên, Bắc Giang	TN THPT; HK: K	
133	Luân Văn	Ngọc	15/10/1995	Nam	Nùng	Minh Sơn, Hữu Lũng, Lạng Sơn	TN THPT; HK: T	
134	Tạ Bảo	Ngọc	26/06/1999	Nam	Kinh	Bình Thành, Định Hóa, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
135	Dương Quang	Nhân	28/04/2001	Nam	Kinh	Tân Đức, Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
136	Hoàng Văn	Nhất	14/05/2002	Nam	Kinh	Xóm Núi, Hà Châu, Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
137	Trần Văn	Nhật	08/07/2002	Nam	Kinh	Xóm Giữa, Xuân Phương, Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
138	Nguyễn Văn	Ninh	04/02/2001	Nam	Kinh	Lạc Vân, Nho Quan, Ninh Bình	TN THPT; HK: T	
139	Ngô Văn	Ninh	29/07/1995	Nam	Kinh	Tân Kim, Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
140	Đặng Văn	Nuôi	02/11/1994	Nam	Sán diu	Xã Phúc Trìu, Tp. Thái Nguyên, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
141	Trương Hải	Phong	01/10/1994	Nam	Kinh	Lương Phú, Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: K	
142	Hoàng Chung	Phong	23/09/2002	Nam	Kinh	Phú Ninh 2, Phú Đình, Định Hóa, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	

STT	Họ	tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Tiêu chí xét tuyển	Ghi chú
143	Hoàng Văn	Phúc	12/09/2002	Nam	Kinh	Giã Thù, Tiên Phong, Phở Yên, Thái Nguyên	TN THPT; HK: K	
144	Ma Vĩnh	Phúc	19/05/2002	Nam	Tày	TDP 1, TT Bảo Lạc, Bảo Lạc, Cao Bằng	TN THPT; HK: K	
145	Nguyễn Minh	Phước	10/05/2000	Nam	Kinh	Khánh Nhạc, Yên Khánh, Ninh Bình	TN THPT; HK: T	
146	Nguyễn Văn	Phương	24/07/2002	Nam	Kinh	Tân Hòa, Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
147	Hoàng Công	Quân	16/10/2001	Nam	Kinh	Hà Châu, Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
148	Kiều Hoàng	Quân	06/10/2001	Nam	Kinh	Xóm An Ninh, Dương Thành, Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
149	Tổng Khắc	Quang	16/08/1996	Nam	Kinh	Bắc Lũng, Lục Nam, Bắc Giang	TN THPT; HK: K	
150	Trần Minh	Quang	26/09/2002	Nam	Kinh	Xóm Đức Hòa, Thịnh Đức, TP Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
151	Lý Hải	Quang	06/06/2002	Nam	Nùng	Lũng Phúc, Tri Lễ, Văn Quan, Lạng Sơn	TN THPT; HK: T	
152	Lê Văn	Quyết	04/10/2002	Nam	Kinh	Mỹ Yên, Đại Từ, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
153	Đào Thị Như	Quỳnh	27/12/1999	Nữ	Tày	Phúc Lương, Đại Từ, Thái Nguyên	TN THPT; HK: K	
154	Tạ Văn	Quỳnh	19/12/2002	Nam	Kinh	Mĩnh Đức, Phở Yên, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
155	Trần Văn	Quỳnh	25/09/2020	Nam	Kinh	Tân Hòa, Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
156	Lê Xuân	Sao	02/07/2002	Nam	Tày	Thôn Đoàn Kết, Bính Yên, Định Hóa, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
157	Phạm Hữu	Son	07/07/1998	Nam	Kinh	Nghi Công Nam, Nghi Lộc, Nghệ An	TN THPT; HK: K	
158	Trịnh Công	Son	30/10/1996	Nam	Kinh	Bắc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	TN THPT; HK: K	
159	Trần Văn	Son	08/02/1995	Nam	Kinh	Hồng Kỳ, Sóc Sơn, Hà Nội	TN THPT; HK: K	
160	Mai Thế	Son	03/10/2000	Nam	Kinh	Yên Nhân, Yên Mô, Ninh Bình	TN THPT; HK: T	
161	Ngô Văn	Son	10/08/1998	Nam	Kinh	Đại Thành, Hiệp Hòa, Bắc Giang	TN THPT; HK: T	
162	Đặng Hoàng	Son	14/07/2000	Nam	Kinh	Xóm Bầu 2, Văn Yên, Đại Từ, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
163	Mông Văn	Sóng	20/03/1998	Nam	Nùng	Động Đạt, Phú Lương, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
164	Nguyễn Văn	Sy	19/03/2001	Nam	Kinh	Cầm Sơn, Cầm Xuyên, Hà Tĩnh	TN THPT; HK: K	
165	Trương Xuân	Tài	28/02/2002	Nam	Kinh	Xóm Đông, Hà Châu, Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
166	Triệu Đức	Tài	20/01/1997	Nam	Dao	Nà Vài, Quảng Khê, Ba Bể, Bắc Kạn	TN THPT; HK: T	
167	Lê Doãn	Tân	21/05/1998	Nam	Kinh	Quân Chu, Đại Từ, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
168	Nông Văn	Tân	13/04/2001	Nam	Tày	Điềm Mặc, Định Hóa, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
169	Ma Tuấn	Tân	28/06/2001	Nam	Tày	Phú Đình, Định Hóa, Thái Nguyên	TN THPT; HK: TB	
170	Ngô Anh	Tân	15/10/2001	Nam	Kinh	Đắc Sơn, Phở Yên, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
171	Nguyễn Đức	Thái	11/02/1997	Nam	Kinh	Long Châu, Yên Phong, Bắc Ninh	TN THPT; HK: K	
172	Lưu Văn	Thái	28/08/2001	Nam	Kinh	Bắc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	TN THPT; HK: T	

STT	Họ	tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Tiêu chí xét tuyển	Ghi chú
173	Hoàng Bắc	Thái	23/02/2002	Nam	Tày	Cao Thanh, Nông Hạ, Chợ Mới, Bắc Kạn	TN THPT; HK: T	
174	Lường Văn	Thắng	04/08/1996	Nam	Thái	Nghĩa Lợi, Nghĩa Lộ, Yên Bái	TN THPT; HK: T	
175	Dương Văn	Thắng	21/07/2002	Nam	Kinh	Tích Lương, Thành phố Thái Nguyên	TN THPT; HK: K	
176	Ma Đình	Thắng	11/12/2002	Nam	Tày	Bản Quyền, Diêm Mạc, Định Hóa, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
177	Ma Văn	Thắng	26/01/2002	Nam	Kinh	Phúc Chu, Định Hóa, Thái Nguyên	TN THPT; HK: K	
178	Nguyễn Tuấn	Thành	03/02/2000	Nam	Kinh	Thuận Thành, Phổ Yên, Thái Nguyên	TN THPT; HK: K	
179	Nguyễn Chí	Thành	21/11/1999	Nam	Kinh	Liên Hoa, Phù Ninh, Phú Thọ	TN THPT; HK: K	
180	Nguyễn Văn	Thành	02/11/1994	Nam	Kinh	Phấn Mễ, Phú Lương, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
181	Nguyễn Tuấn	Thành	10/07/2002	Nam	Kinh	Tích Lương, Thành phố Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
182	Đào Duy	Thành	05/12/2002	Nam	Kinh	Phú Hương, Lương Phú, Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
183	Trần Văn	Thao	27/09/2001	Nam	Kinh	TDP Đình, Đồng Tiến, Phổ Yên, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
184	Vũ Ngọc	Thao	02/11/2000	Nam	Kinh	Hồng Ca, Trấn Yên, Yên Bái	TN THPT; HK: T	
185	Bùi Ngọc Anh	Thị	20/11/1992	Nam	Kinh	Cầm Yên, Cầm Thủy, Thanh Hóa	TN THPT; HK: T	
186	Hoàng Đức	Thuận	21/09/2002	Nam	Kinh	Xuân Trù, Tiên Phong, Phổ Yên, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
187	Trần Văn	Thuận	21/12/1998	Nam	Kinh	Lương Phú, Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
188	Vũ Thị	Thương	13/04/2002	Nữ	Kinh	Cơ Phi, Vạn Phái, Phổ Yên, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
189	Dương Văn	Thủy	27/04/2002	Nam	Kinh	Tân Đức, Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
190	Trịnh Hồng	Tiến	14/08/1995	Nam	Kinh	Quỹ Nhất, Nghĩa Hưng, Nam Định	TN THPT; HK: T	
191	Phạm Văn	Tiến	18/08/2002	Nam	Kinh	Tân Hòa, Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: K	
192	Vũ Đức	Tiến	13/08/2002	Nam	Kinh	Xóm Xuồm, Dương Thành, PB, Thái Nguyên	TN THPT; HK: K	
193	Chu Đức	Toàn	25/06/1998	Nam	Sán diu	Nam Hòa, Đồng Hỷ, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
194	Phạm Quốc	Toàn	06/11/2002	Nam	Kinh	Xóm 3, Nga Tân, Nga Sơn, Thanh Hóa	TN THPT; HK: K	
195	Nguyễn Đức	Toàn	05/05/2001	Nam	Kinh	Trung Hưng, Mai Trung, Hiệp Hòa, Bắc Giang	TN THPT; HK: K	
196	Ma Khánh	Tông	30/08/2000	Nam	Tày	Bình Thành, Định Hóa, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
197	Nguyễn Văn	Tốt	14/07/2001	Nam	Kinh	Xóm Núi, Hà Châu, Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
198	Hoàng Văn	Trà	12/10/2002	Nam	Kinh	Xóm Núi, Hà Châu, Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
199	Chu Thế	Trung	12/10/1997	Nam	Kinh	Tràng Xá, Võ Nai, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
200	Trương Văn	Trung	24/04/1997	Nam	Kinh	Tân Hưng, Sóc Sơn, Hà Nội	TN THPT; HK: T	
201	Nguyễn Khắc	Trung	15/08/1999	Nam	Kinh	Hương Sơn, Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
202	Đỗ Bảo	Trung	29/11/1995	Nam	Kinh	Đắc Sơn, Phổ Yên, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	

STT	Họ	tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Tiêu chí xét tuyển	Ghi chú
203	Trần Văn	Trung	20/06/2000	Nam	Kinh	Ký Phú, Đại Từ, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
204	Bùi Văn	Trường	15/05/1995	Nam	Mường	Lạc Thịnh, Yên Thủy, Hòa Bình	TN THPT; HK: T	
205	Đặng Văn	Trường	07/05/2002	Nam	Kinh	Xóm Dinh A, Nga My, Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
206	Vũ Hữu	Trường	27/05/2002	Nam	Tày	Đồng Nguồn, Phúc Chu, Định Hóa, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
207	Nguyễn Thanh	Tú	06/05/1997	Nam	Kinh	Đông Lỗ, Hiệp Hòa, Bắc Giang	TN THPT; HK: K	
208	Nguyễn Văn	Tú	29/09/2000	Nam	Kinh	Ngô Xá, Cẩm Khê, Phú Thọ	TN THPT; HK: T	
209	Hà Văn	Tú	11/07/2002	Nam	Kinh	Nguyễn Hậu, Tiên Phong, Phổ Yên, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
210	Đỗ Minh	Tuấn	08/09/1997	Nam	Kinh	Tổ 16, p.Hương Sơn, Tp. Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
211	Triệu Anh	Tuấn	05/02/1999	Nam	Tày	Chung Hòa, Chiêm Hóa, Tuyên Quang	TN THPT; HK: T	
212	Trần Đình	Tuấn	28/08/1998	Nam	Kinh	Mã Thành, Yên Thành, Nghệ An	TN THPT; HK: T	
213	Dương Hồng	Tuấn	30/05/2002	Nam	Kinh	Xóm Giữa, Xuân Phương, Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
214	Đào Quang	Tuấn	20/11/2001	Nam	Kinh	Hương Sơn, Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
215	Trần Đức	Tuấn	19/05/2000	Nam	Kinh	Yên Thượng, Thanh Tương, Na Hang, Tuyên Quang	TN THPT; HK: T	
216	Nguyễn Minh	Tuấn	19/09/2002	Nam	Kinh	Bình Định, Kha Sơn, Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: K	
217	Nông Văn	Tường	09/10/2002	Nam	Nùng	Phổ Điệp, Tiên Hội, Đại Từ, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
218	Hoàng Văn	Tuyển	06/03/2001	Nam	Tày	Tân Hòa, Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: K	
219	Nguyễn Văn	Tuyển	13/07/2002	Nam	Kinh	Xóm Lũ, Tân Đức, Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: K	
220	Nguyễn Phi	Vân	10/01/1995	Nam	Kinh	Hà Châu, Phú Bình, Thái Nguyên	TN THPT; HK: K	
221	Ngô Đức	Việt	21/10/2002	Nam	Kinh	Đồng Cầu, Hòa Bình, Đồng Hỷ, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
222	Tạ Quốc	Việt	24/05/2002	Nam	Kinh	Thái Cao, Tiên Phong, Phổ Yên, Thái Nguyên	TN THPT; HK: K	
223	Lương Trung	Việt	25/01/2001	Nam	Tày	Yên Trạch, Phú Lương, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
224	Ngô Văn	Việt	11/10/2002	Nam	Kinh	Xóm Đạn 2, Kỳ Phú, Đại Từ, Thái Nguyên	TN THPT; HK: T	
225	Triệu Văn	Vinh	17/05/1996	Nam	Dao	Lạng Quán, Yên Sơn, Tuyên Quang	TN THPT; HK: T	

Ấn định danh sách: 225 thí sinh /bgy2